

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Vân, ngày 14 tháng 7 năm 2026

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: UBND xã Hoàng Vân

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: **Hợp tác xã Dịch vụ và Thương mại Nông nghiệp xanh Hà Anh**
 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh: Thôn Hoàng Sơn, xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh.
 3. Điện thoại: 0389.044.988 Fax
 - Email
 4. Mã số đăng ký kinh doanh: **2401081112**
 5. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh: số 2401081112, Phòng Tài chính xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 30 tháng 6 năm 2026.
 6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh: rau, củ, quả, thịt, cá, trứng, gia vị, hàng khô.
- Đề nghị UBND xã Hoàng Vân cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.
- Lý do cấp: Kinh doanh rau, củ, quả, thịt, cá, trứng, gia vị, hàng khô.

Đại diện cơ sở

(Ký tên, đóng dấu)



Lê Văn Bắc

Phụ lục III
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Vân, ngày 14 tháng 7 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH

Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: **Hợp tác xã Dịch vụ và Thương mại Nông nghiệp xanh Hà Anh**
2. Địa chỉ: **Thôn Hoàng Sơn, xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh**
3. Điện thoại: **0389.044.988**
4. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài ☐
DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần ☐
DN tư nhân ☒ Khác (vốn khác) *
(Hộ kinh doanh)
5. Năm bắt đầu hoạt động: **2026**
6. Số đăng ký: **2401081112**, ngày cấp **30/6/2026**, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh: **Phòng Tài chính xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh**
7. Công suất thiết kế: **30 tấn/ tháng**
8. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây): **Mới hoạt động**
9. Thị trường tiêu thụ chính: **Trên thị trường xã và các xã trong tỉnh**

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	
1	Rau, củ, quả	Rau, củ, quả	Tại địa phương	Theo yêu cầu của khách
2	Thịt lợn, thịt gà	Thịt lợn, thịt gà	Tại địa phương	Theo yêu cầu của

				khách
3	Trứng gà, trứng vịt, trứng cút	Trứng gà, trứng vịt, trứng cút	Tại địa phương	Theo yêu cầu của khách
4	cá	cá	Tại địa phương	Theo yêu cầu của khách
5	Gia vị, hàng khô	Gia vị, hàng khô	Tại địa phương	Theo yêu cầu của khách

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

Tổng diện tích nhà xưởng sản xuất, kinh doanh 120 m², trong đó:

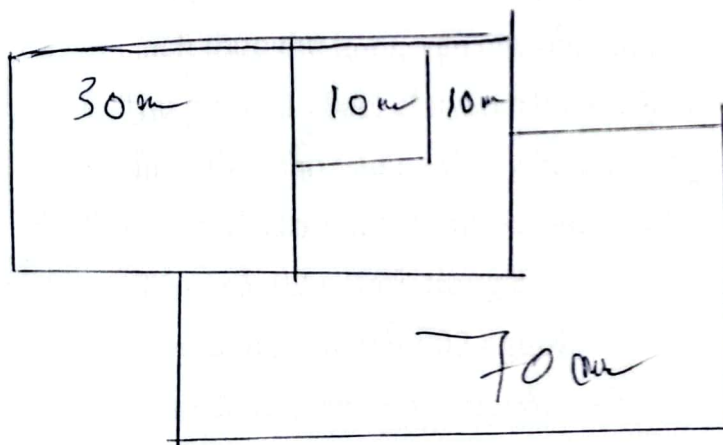
+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm: 30 m²

+ Khu vực kho, kinh doanh : 10 m²

+ Khu vực đóng gói thành phẩm : 10 m²

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : 70m²

* Sơ đồ bố trí:



2. Trang thiết bị chính

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng
Tủ đông	01	Việt Nam	1200 lít	2025
Máy hút chân không	01	Việt Nam	100kg/h	2025
Bàn sơ chế	01	Việt Nam	300 kg/ngày	2026
Ô tô	01	Việt Nam	500kg/ngày	2026

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☒ Nước giếng khoan ☒

Hệ thống xử lý: Có ☐ Không ☐

Phương pháp xử lý: màng lọc R.O ☒

Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☒ Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá: Không để tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.

4. Hệ thống xử lý chất thải, nước thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

Thu gom vào bao, chuyển bãi rác của thôn

Nước thải cho vào hệ thống bioga

5. Người sản xuất, kinh doanh

- Tổng số: 02 người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: 02 người.

+ Lao động gián tiếp: 0 người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh: 02

- Tập huấn kiến thức về ATTP: Cơ sở tự cập nhật: 02

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần suất làm vệ sinh: 02 lần/ngày (trước và sau khi sản xuất, xuất nhập hàng)

- Nhân công làm vệ sinh: 02 người; trong đó 02 của cơ sở và 0 đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa khử trùng sử dụng:

Nước rửa chén

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)

Không

9. Phòng kiểm nghiệm

a. Của cơ sở ☐

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

b. Thuê ngoài

X

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Lê Văn Bắc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Mã số hợp tác xã: 2401081112

Đăng ký lần đầu, ngày 30 tháng 6 năm 2026

1. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI
NÔNG NGHIỆP XANH HÀ ANH**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên hợp tác xã viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hoàng Giang, Xã Hoàng Vân, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0389044988 Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ: 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng)

4. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:

Họ và tên **LÊ VĂN BẮC** Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/10/1971 Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 024071012149

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hoàng Giang, xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh, Việt Na,

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC
BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số CT: 296/Q.Số 01/2026-SCT BS
Ngày: 02 tháng 07 năm 2026



Lê Ngọc Tiến



CÔNG CHỨNG VIÊN
PHÍ THỊ HỒNG THÚY

Số: 8178 /GKSK-BVĐKSU

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): LÊ VĂN BẮC
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh Ngày..... 9 tháng 10 năm 1971.... (Tuổi:.....)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : 024071012199
5. Cấp ngày 7/9/2021 Tại..... Cu cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại:..... Hoàng Văn - Bùn Ninh
7. Lý do khám sức khỏe:.....



TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒



3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày tháng năm

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)



I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 165 cm; - Cân nặng: 68 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 78 lần/phút; - Huyết áp: 125 / 90 mmHg

Phân loại thể lực: Loại I

II. KHÁM LÂM SÀNG

TSCKII. Nguyễn Thị Ngọc Hu

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa		
	Tuần hoàn		
a)	Phân loại		
b)	Hô hấp		
	Phân loại		
c)	Tiêu hóa		
	Phân loại		
d)	Thận-Tiết niệu		
	Phân loại		
đ)	Nội tiết		
	Phân loại		

TSCKII. Nguyễn Thị Ngọc Hu

AC.P *

e)	Cơ - xương - khớp	Bức Hươc	P
	Phân loại	Loại I	
g)	Thần kinh		SCKII Nguyễn Thị Ngọc Hu
	Phân loại		
h)	Tâm thần	Loại II	Khuê Khát Mỹ
	Phân loại		
2.	Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: - Phân loại: - Da liễu: - Phân loại: Bức Hươc		Loại I
3.	Sân phụ khoa: Phân loại:		SCKII Nguyễn Thị Ngọc Hu HỒNG NGUYỄN T. BẮC NINH
4.	Mắt: Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10.. Mắt trái.. 10/10.. Có kính: Mắt phải..... Mắt trái..... Các bệnh về mắt (nếu có): Phân loại: Loại I		Hồng Xuân H
5.	Tai - Mũi - Họng Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường.....m; Nói thầm.....m Tai phải: Nói thường.....m; Nói thầm.....m Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Phân loại: BSCKI. Ngô Duy Việt		
6.	Răng - Hàm - Mặt Kết quả khám: Hàm trên: Hàm dưới: Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): Phân loại:		Bs. Hoàng Văn Chín

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

LỜI CHỨNG THỰC
BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH
 1. Phân loại sức khỏe:
 2. Các bệnh, tật (nếu có):
 Số CT: 2932 Q.Số 01/2020-SCT/BS
 Ngày... 12 tháng 7 năm 2020

Đã sức khỏe hợp lệ, công tác

Ngày 12 tháng 7 năm 2020

NGƯỜI KẾT LUẬN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CÔNG CHỨNG VIÊN
PHÍ THỊ HỒNG THỦY



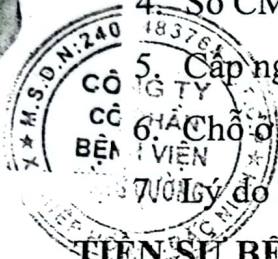
PHÓ GIÁM ĐỐC
BSCKI Nguyễn Văn Bình

Số: 12/GKSK-BVĐKHC

CTY CP BỆNH VIỆN HÙNG CƯỜNG

GIẤY SỨC KHỎE

**GIẤY KHÁM SỨC KHỎE
DÀNH CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN**



1. Họ và tên (chữ in hoa): LÊ VĂN MẠNH
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh ngày 20 tháng 08 năm 1972 (Tuổi: 54)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 024072015660
5. Cấp ngày 07/09/2021 Tại: Cục Cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại: Hoàng Văn - Bãi Ninh
7. Lý do khám sức khỏe: Hồ sơ

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒; b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ):	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày 09 tháng 5 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

mẫu
Lê Văn Mạnh

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 162 cm; Cân nặng: 57 kg; Chỉ số BMI: 21,2

Mạch: 60 lần/phút; Huyết áp: 120 / 70 mmHg

Phân loại thể lực: trung

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Nội khoa	
a) Tuần hoàn:	
Phân loại: / bình thường	
b) Hô hấp:	
Phân loại: / loại tốt	BsCKI. Dương Văn Toàn
c) Tiêu hóa:	
Phân loại: / bình thường	
d) Thận-Tiết niệu:	
Phân loại: / loại tốt	BsCKI. Dương Văn Toàn
đ) Nội tiết:	
Phân loại: / bình thường	
e) Cơ - xương - khớp:	
Phân loại: / loại tốt	BsCKI. Dương Văn Toàn
g) Thần kinh:	
Phân loại: / bình thường	
h) Tâm thần:	
Phân loại: / loại tốt	BsCKI. Dương Văn Toàn

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
2. Ngoại khoa, Da liễu:	
- Ngoại khoa: <u>15</u>	
Phân loại: <u>Nẹp</u>	BsCKI. <u>Vũ Chí Cường</u>
- Da liễu: <u>15</u>	
Phân loại: <u>15</u>	BsCKI. <u>Nguyễn Hoài Nam</u>
3. Sản phụ khoa:	
Phân loại: <u>15</u>	
4. Mắt:	
- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: <u>2/10</u> Mắt trái: <u>1/10</u>	
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:	
- Các bệnh về mắt (nếu có): <u>MP gần H, L</u>	
- Phân loại: <u>II</u>	Bs. <u>Nguyễn Xuân Thiêm</u>
5. Tai-Mũi-Họng	
- Kết quả khám thính lực:	
Tai trái: Nói thường: <u>105</u> m; Nói thầm: <u>105</u> m	
Tai phải: Nói thường: m; Nói thầm: m	
- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
- Phân loại: <u>NST</u>	Bs. <u>Nguyễn Thị Hà</u>
6. Răng-Hàm-Mặt	
- Kết quả khám: + Hàm trên: <u>105</u>	
+ Hàm dưới: <u>105</u>	
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):	
- Phân loại: <u>NST</u>	Bs. <u>Trần Đức Cử</u>

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng Tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: AST (GOT): ALT (GPT): c) Khác (nếu có):	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Prôtêin: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (X-quang phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Đủ điều kiện **CÔNG CHỨNG VIỆN** Đủ điều kiện làm việc **PHÍ THI HỒNG THỦY**

2. Các bệnh, tật (nếu có):

..... ngày 09 tháng 05 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC

15. Hội Trù. Nguyễn Hữu Chức

**GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN
KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

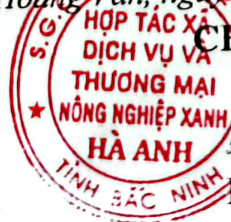
Số: 01/2026/XNTH

Căn cứ Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Hợp tác xã Dịch vụ và Thương mại Nông nghiệp xanh Hà Anh xác nhận đã tham gia tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm do Phòng Kinh tế xã Hoàng Văn tổ chức ngày 25/6/2026 gồm các thành viên có tên sau:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Địa chỉ	Căn cước công dân	Chức vụ
1	Lê Văn Bắc	09/10/1971	Nam	Thôn Hoàng Sơn, xã Hoàng Văn, Bắc Ninh	024071012149, cấp ngày 07/09/2021, nơi cấp cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Chủ cơ sở
2	Lê Văn Mạnh	20/8/1972	Nam	Thôn Hoàng Giang, xã Hoàng Văn, Bắc Ninh	024072015660, cấp ngày 07/09/2021, nơi cấp cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Thành viên

Hoàng Văn, ngày 14 tháng 7 năm 2026



CHỦ CƠ SỞ

Lê Văn Bắc

DANH SÁCH

Người sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại cơ sở

TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Số CCCD	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp
1	Lê Văn Bắc	x		024071012149	07/09/2021	Cục CSQLHC về TTXH
2	Lê Văn Mạnh	x		024072015660		Cục CSQLHC về TTXH

Hoàng Văn, ngày 14 tháng 07 năm 2026



Lê Văn Bắc

UBND XÃ HOÀNG VÂN
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM
CƠ SỞ KINH DOANH THỰC PHẨM NÔNG, LÂM, THỦY SẢN
(cơ sở chuyên doanh)**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở: Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Hợp An, Hà Anh
2. Địa chỉ: Thôn Hoàng Sơn, xã Hoàng Văn, tỉnh Bắc Ninh
3. Số điện thoại: (nếu có): 0389.044.988
4. Mã số đăng ký kinh doanh: 24.010.8111.2
5. Mặt hàng kinh doanh: Rau, củ, quả, thịt, cá, trứng, gia súc, gia cầm, ngũ cốc
6. Ngày thẩm định: 16/7/2026
7. Thành phần Đoàn thẩm định:
 - 1) Dương Thanh Dũng - Trưởng Đoàn - TP kinh tế
 - 2) Hoàng Thị Thuý - Thành viên - CV. pháp luật
 - 3) Nguyễn Văn Đăng - CV. phòng kinh tế - Thành viên
8. Đại diện cơ sở:
 - 1) Lê Văn Bắc - Chủ Hợp tác xã
 - 2)

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ HÀNH CHÍNH, PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận có pháp lý tương đương (có/không):

Số: 24.010.8111.2 Ngày cấp: 30/6/2026

2. Xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

☒ Đáp ứng quy định

☐ Không đáp ứng quy định, lý do:

3. Xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp

☒ Đáp ứng quy định

☐ Không đáp ứng quy định, lý do:

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM:

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
1	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; QCKT tương ứng (nếu có);	Địa điểm kinh doanh (phù hợp; đủ diện tích để bày bán thực phẩm, khu vực chứa đựng, bảo quản; không bị ngập nước hoặc bị ảnh hưởng bởi động vật, côn trùng; không bị ảnh hưởng từ các nguồn ô nhiễm bụi, hóa chất độc hại, các nguồn gây ô nhiễm khác...)	X		
2	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm đ; Điều 24, Khoản 1, Điểm b; Điều 27, Khoản 1, Điểm c; QCKT tương ứng (nếu có);	Kết cấu, bố trí cơ sở kinh doanh (nền, tường, trần, cửa... phù hợp, dễ làm vệ sinh...); Bố trí các khu vực kinh doanh (đủ diện tích, dễ làm vệ sinh; tách riêng khu vực kinh doanh đồ tươi sống với đồ chín hoặc đã qua chế biến, khu vực kinh doanh các loại sản phẩm khác nhau...)	X		
3	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c;	Trang thiết bị, dụng cụ phục vụ kinh doanh (phù hợp để bày bán, sơ chế hàng hóa; vật dụng	X		

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
	Điều 24, Khoản 1; Điều 27, Khoản 1, Điểm b; QCKT tương ứng (nếu có);	trực tiếp tiếp xúc với sản phẩm: không thấm nước, không gây độc cho sản phẩm, dễ làm vệ sinh...)			
4	Luật ATTP: Điều 10, Khoản 1; Điều 11; Điều 12, Khoản 2, 3; QCKT tương ứng (nếu có);	Thực phẩm kinh doanh tại cơ sở (có hóa đơn hoặc ghi chép về việc mua/bán hàng đảm bảo truy xuất được nguồn gốc thực phẩm; thực phẩm tươi sống có nguồn gốc động vật phải có chứng nhận vệ sinh thú y; thực phẩm bao gói sẵn phải có nhãn hàng hóa với đầy đủ thông tin theo quy định...)	X		
5	Luật ATTP: Điều 10, Khoản 2, Điểm a, c; Điều 19, Khoản 1, Điểm b; QCKT tương ứng (nếu có);	Các yếu tố đầu vào phục vụ SXKD thực phẩm (nước, nước đá đáp ứng quy định về nước ăn uống; phụ gia, chất bảo quản trong danh mục được phép sử dụng, bảo quản và sử dụng theo đúng quy định...)	X		
6	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c; Điều 20, Khoản 1, Điểm b;	Phòng, chống động vật gây hại và xử lý chất thải, nước thải (có biện pháp phòng chống động vật gây hại; có biện pháp xử lý nước thải, nước thải	X		

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
	QCKT tương ứng (nếu có);	đáp ứng quy định trước khi xả ra môi trường; có dụng cụ/biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn...); nhà vệ sinh (bố trí riêng biệt với khu vực kinh doanh)			
7	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm e; QCKT tương ứng (nếu có);	Người trực tiếp bán hàng (đảm bảo sức khỏe để KD; có kiến thức ATTP...)	X		
8	Luật ATTP: Điều 18, Khoản 1,2; Điều 10, Khoản 2, Điểm b, c; Điều 19, Khoản 1, Điểm c, đ; Điều 20, Khoản 1; Điều 21; QCKT tương ứng (nếu có);	Bao gói, bảo quản, vận chuyển (vật liệu bao gói, chứa đựng không gây ô nhiễm cho sản phẩm; có nơi bảo quản, phương tiện bảo quản, vận chuyển phù hợp với từng loại sản phẩm, được sắp xếp hợp lý và vệ sinh sạch sẽ; ...)	X		
Tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá: nhóm chỉ tiêu			/8		

IV. NHÓM CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO:

..... không

V. LẤY MẪU (nếu có):

..... không phải lấy mẫu

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...), không
2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích: không

(kèm theo Biên bản lấy mẫu):

VI. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN THẨM ĐỊNH:

1. Nhận xét về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở được thẩm định:

..... cơ sở đủ điều kiện cấp giấy An toàn thực phẩm

2. Đề xuất phân loại cơ sở:

Đạt ☒

Không đạt ☐ (Có thể/Không thể khắc phục các điểm không phù hợp trong thời hạn phải cấp giấy chứng nhận ATTP):.....

3. Nội dung cần khắc phục, thời hạn khắc phục, báo cáo khắc phục:

VII. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

..... phát fsc với ý kiến, kết quả của đoàn thẩm định

Biên bản hoàn thành lúc 9 h..00 phút, được lập thành...2 bản, có giá trị như nhau. Giao cơ sở 01 bản, đoàn thẩm định 01 bản, ... (cơ quan có liên quan) 01 bản....

Hoàng Sơn, ngày 16 tháng 7 năm...2026
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN BẮC

Hoàng Văn, ngày 16 tháng 7 năm...2026
TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH

(Ký tên)



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Dương Thanh Tùng

Hoàng Thị Thủy
Nguyễn Văn Đông